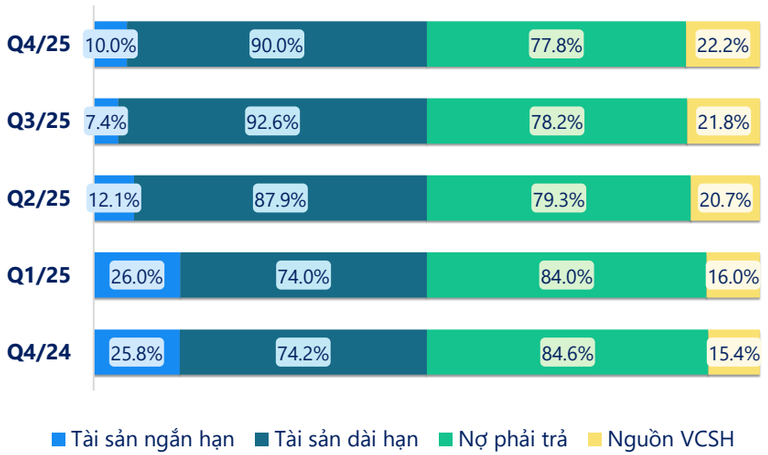
FireAnt

CTCP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên (HSX: NTC)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	156,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	
SL cổ phiếu LH	23,999,980
KLGD BQ 20 phiên (CP)	13,570
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,754
P/E	10.4
EPS	15,001

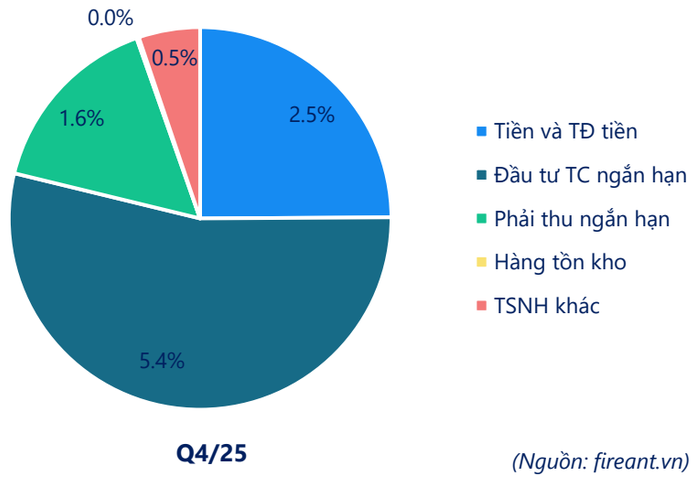
	YTD	1T	3T	6T
NTC	-23.9%	-1.3%	-3.5%	-4.2%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



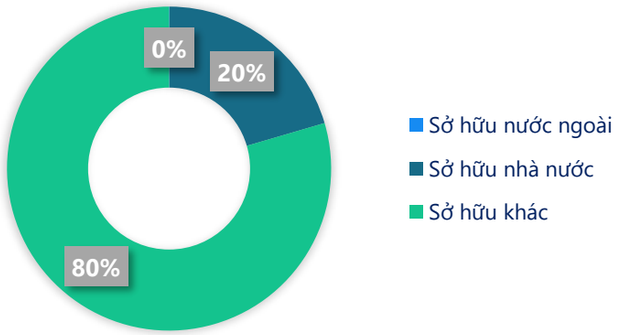
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



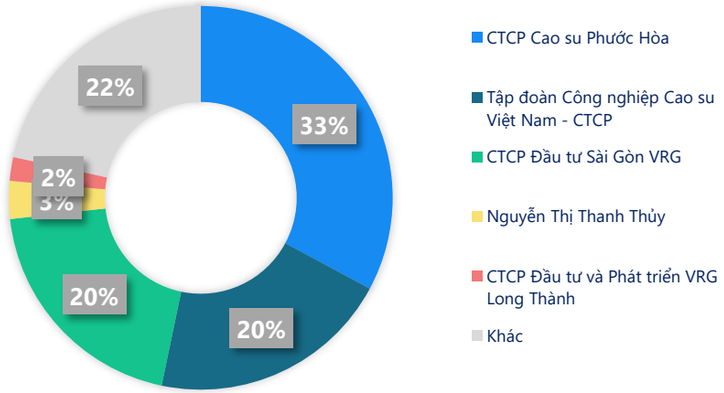
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



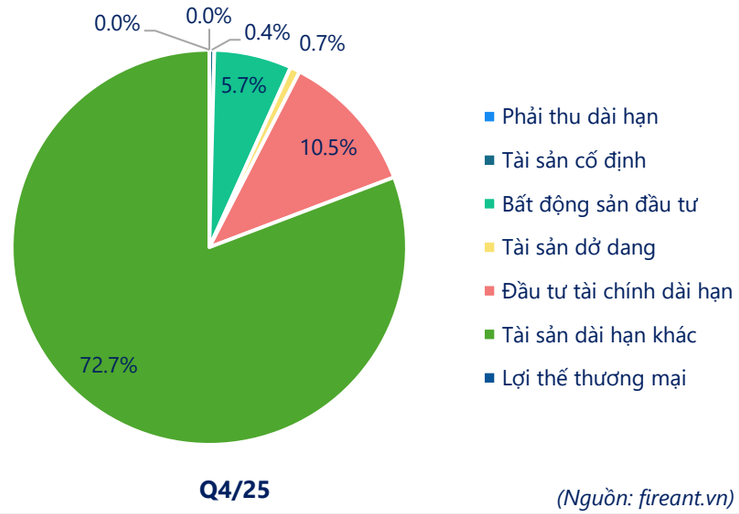
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

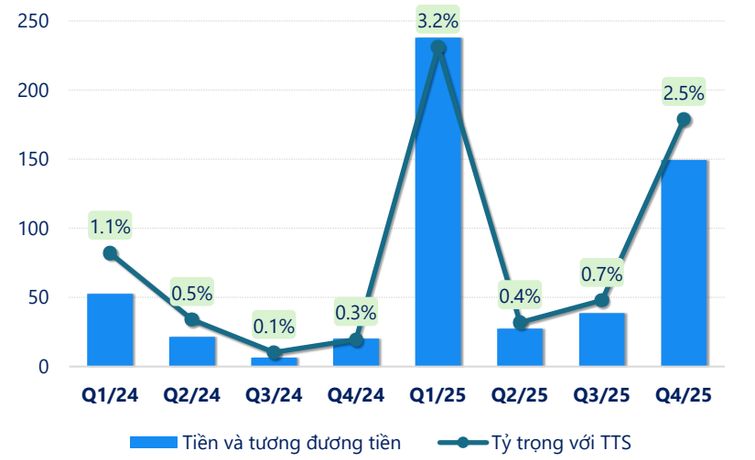


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

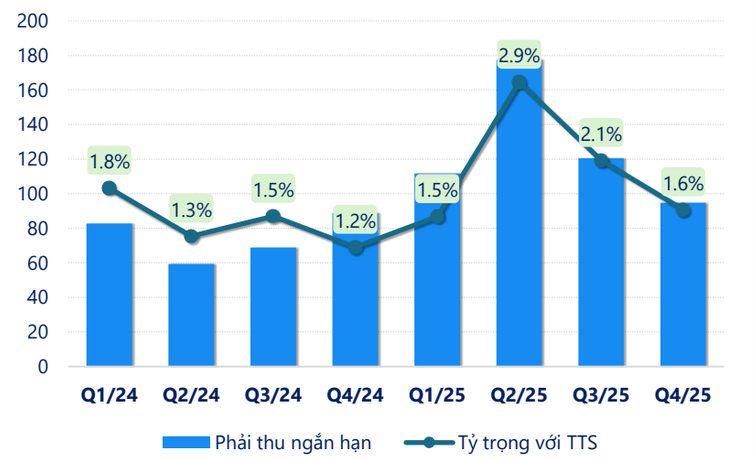
CTCP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên (HSX: NTC)

Tiền và tương đương tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



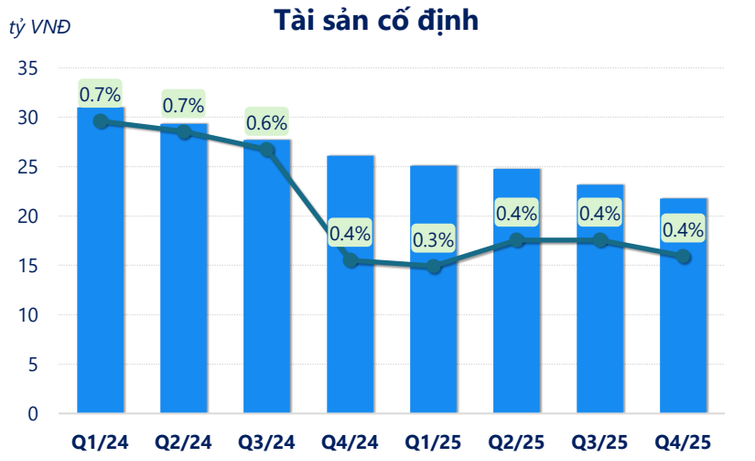
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



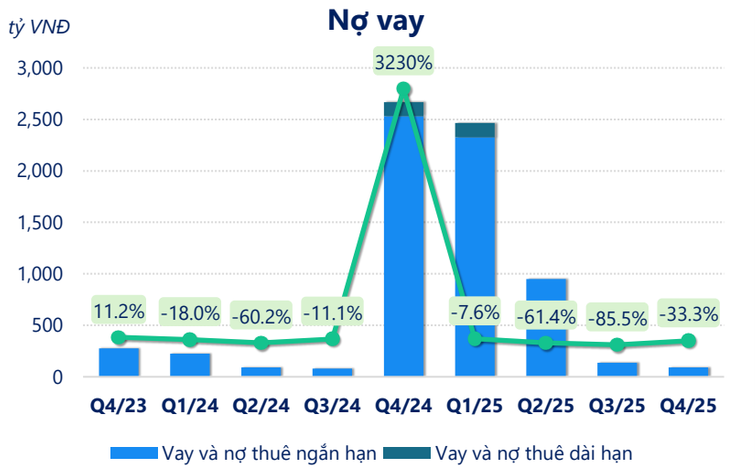
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



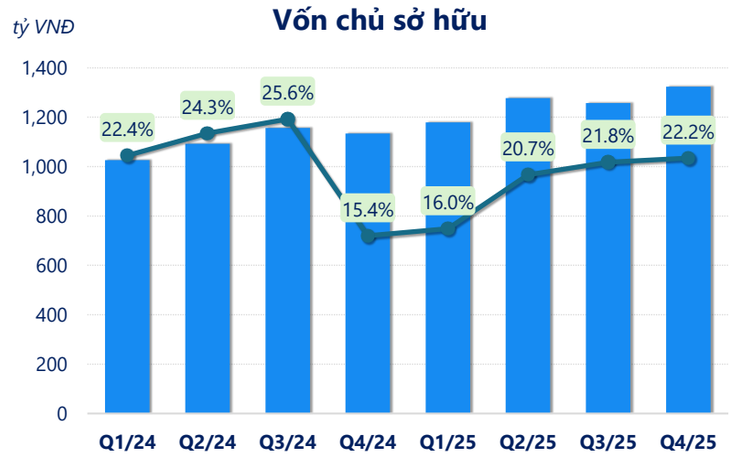
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

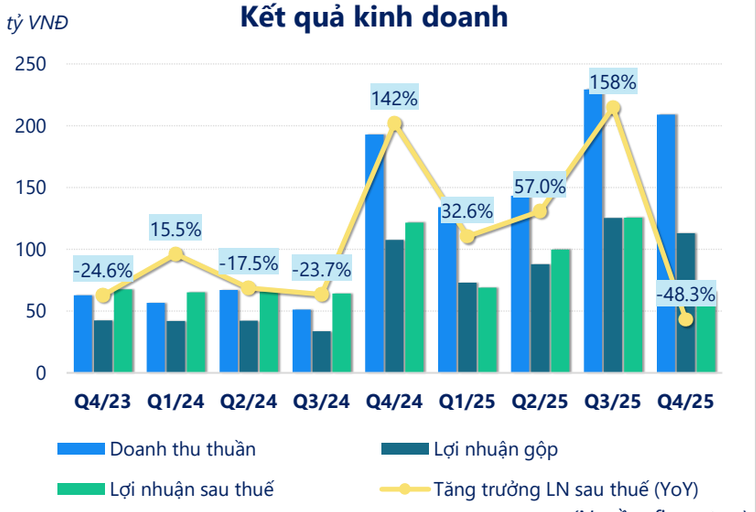


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

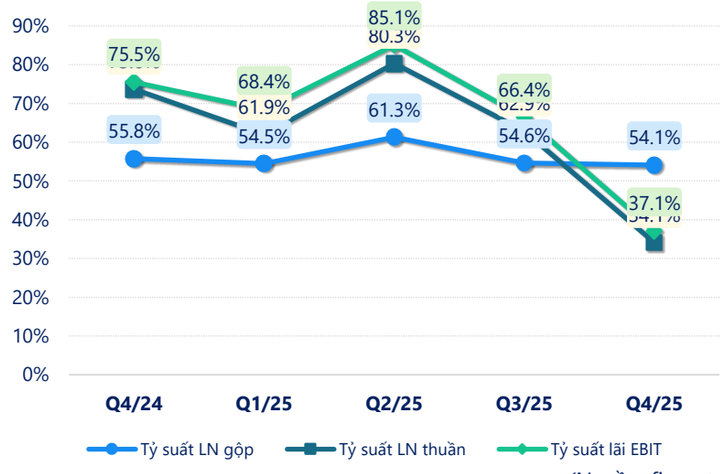
CTCP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên (HSX: NTC)

Kết quả kinh doanh



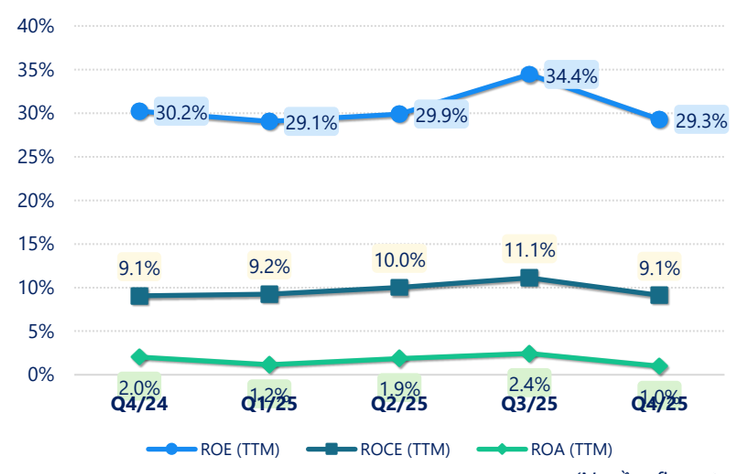
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



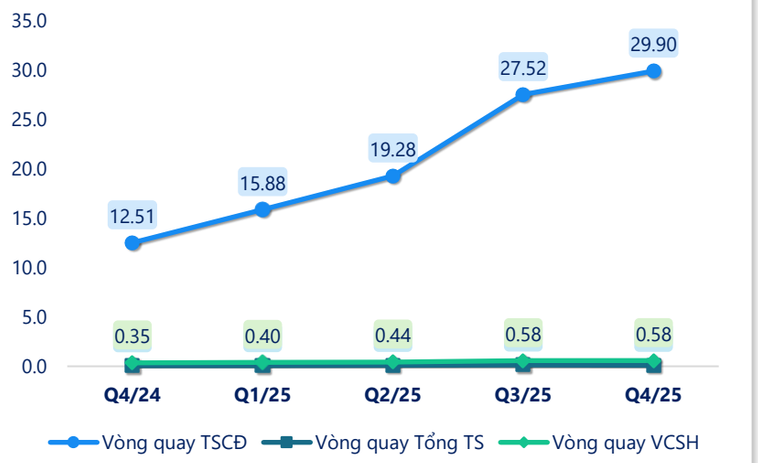
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



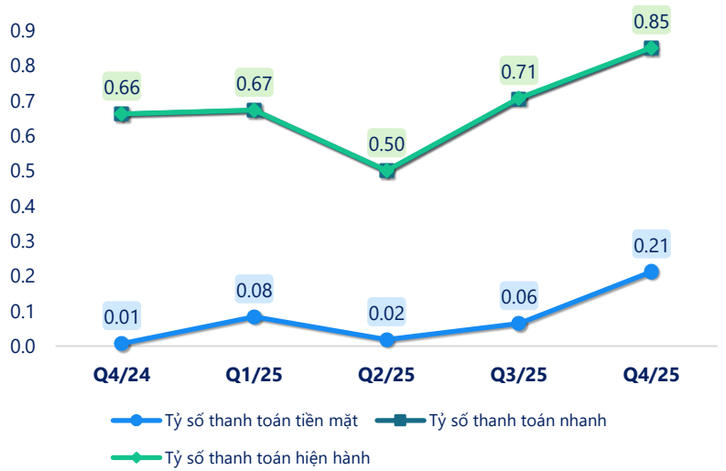
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



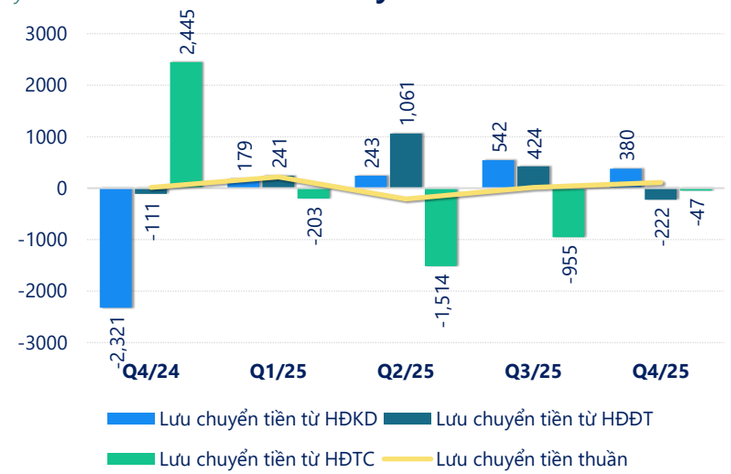
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên (HSX: NTC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**5,968**	**7,357**	**-18.9%**
Tài sản ngắn hạn	600	1,905	-68.5%
Tiền và tương đương tiền	149	20.2	639%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	323	1,779	-81.8%
Phải thu ngắn hạn	94.8	88.8	6.8%
Hàng tồn kho	1.20	0.79	52.1%
Tài sản ngắn hạn khác	31.1	15.7	98.5%
Tài sản dài hạn	**5,368**	**5,452**	**-1.5%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	21.8	26.1	-16.6%
Bất động sản đầu tư	341	300	13.8%
Tài sản dở dang	43.3	25.4	70.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	626	583	7.4%
Tài sản dài hạn khác	**4,336**	**4,518**	**-4.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,644	6,246	-25.6%
Nợ ngắn hạn	**704**	**2,866**	**-75.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	92.0	2,530	-96.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	5.61	2.64	113%
Nợ dài hạn	3,940	3,379	16.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	138	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,323**	**1,111**	**19.1%**
Vốn chủ sở hữu	**1,323**	**1,111**	**19.1%**
Vốn điều lệ	240	240	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	193	134	143	229	209
Giá vốn hàng bán	85.4	61.1	55.4	104	95.9
Lợi nhuận gộp	108	73.0	87.8	125	113
Doanh thu HĐTC	59.1	22.3	42.9	37.2	27.6
Chi phí TC	3.41	6.38	6.71	4.01	2.40
Chi phí lãi vay	2.57	5.45	4.21	1.81	0.56
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.51	0.91	0.12	0.77	3.23
Chi phí QLDN	18.7	5.04	8.79	13.4	63.8
LN thuần từ HĐKD	142	83.0	115	144	71.2
Lợi nhuận khác	0.98	3.25	2.58	6.32	5.67
LN trước thuế	143	86.3	118	151	76.9
Lợi nhuận sau thuế	122	69.0	99.7	126	65.8
LNST của CĐ cty mẹ	122	69.0	99.7	126	65.8

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2,321	179	243	542	380
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-111	241	1,061	424	-222
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	2,445	-203	-1,514	-955	-46.6
Tiền đầu kỳ	6.52	20.2	238	27.5	38.7
Lưu chuyển tiền thuần	**13.7**	**218**	**-210**	**11.2**	**111**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	20.2	238	27.5	38.7	149

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic